TANDTP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN
---*---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
--------*--------**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2022.
V/v tranh chấp:"Ly hôn, Nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Xuân – Thẩm phán.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu.
2. Ông Đỗ Văn Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Anh Huy– Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2022/QĐST-HPT ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Bà D, sinh năm 1980.** *Có mặt*
Bị đơn: Ông U, sinh năm: 1979.Vắng mặt.*
Nơi ĐKNKTT: Khu phố 11, phường A, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.
Chỗ ở hiện nay: số 91, T, Thôn X, xã N, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2020, bản tự khai, và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà D trình bày***:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông U tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 501, quyển số 03/2001 ngày 01/10/2004 của UBND thị trấn C, huyện G, tỉnh Bình Thuận;

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm, tuy nhiên do các con còn nhỏ nên vợ chồng đã cố gắng tự dàn xếp để tiếp tục chung sống chăm lo cho con cái, tuy nhiên cuộc

sống chung của vợ chồng cũng không hạnh phúc, đã nhiều lần bà làm đơn ly hôn nhưng suy nghĩ về các con bà lại tiếp tục cho U cơ hội để chăm lo cho gia đình nhưng U vẫn không thay đổi, thời gian sau này mặc dù con cũng chưa trưởng thành nhưng vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên D đã làm đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông U;

Về con chung: Vợ chồng ông, bà có 03 con chung tên: M(nữ) sinh ngày 27/3/2005, V (nữ) sinh ngày 23/3/2012, K(nam) sinh ngày 10/9/2016; bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, và yêu cầu ông U phải trợ cấp nuôi con chung 1.000.000đ/tháng /01 con chung.

***Về tài sản chung*:** Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết về nợ chung.

Về án phí: Bà sẽ chịu án phí theo quy định pháp luật**.**

****Tại Bản tự khai ngày 09/3/2022 ông U trình bày ý kiến như sau:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông U khẳng định ông và bà D là vợ chồng đã chung sống 18 năm qua, nhưng thời gian gần đây D có nhiều thay đổi, do cuộc sống có khó khăn về tài chính trong gia đình nên vợ chồng hay cãi nhau, nhưng khi biết vợ làm đơn ly hôn ông cũng bất ngờ và khẳng định ông vẫn còn thương vợ con, ông không muốn ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý và việc chăm lo giáo dục con chung, nếu thời gian sau này ông không sửa được những khuyết điểm của mình ông sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông cũng xác định vợ chồng có 03 con chung và đồng ý giao 03 con chung cho D trực tiếp nuôi dưỡng, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về trợ cấp nuôi con chung ông U đồng ý trợ cấp nuôi con chung 1.000.000đ/tháng/01 con chung, cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

***Về tài sản chung*:** Vợ chồng ông sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông khai không có nợ chung.

Về án phí: Ông không trình bày gì về án phí.

**Tòa án đã 02 lần tiến hành mở phiên hòa giải nhưng do vắng mặt bị đơn ông U nên không hòa giải được.*

**Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:*

[1]Việc tuân theo thủ tục tố tụng:

-Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng:Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, tuân thủ đúng việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đã thực hiện việc cấp tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy

định về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 02 không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ý kiến giải quyết về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà D yêu cầu ly hôn, ông U có đến tòa viết bản tự khai cho rằng ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, nhưng lại không chịu đến Tòa để hòa giải chứng tỏ ông cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ, do vậy đề nghị Tòa án áp dụng điều 51, 53 khoản 01 điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

-Về con chung: Đề nghị Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc giao cả ba con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn và ông U sẽ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/01con chung /01 tháng .

-Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết đề nghị Tòa không xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng***:

[1]Theo đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo do nguyên đơn cung cấp thì Bị đơn ông Nguyễn Việt Út đăng ký hộ khẩu tại : Khu phố 11, phường A, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.Chỗ ở hiện nay: Số 91, T, Thôn X, xã N, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do vậy vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố P, theo quy định tại khoản 01 điều 28, điểm a khoản 01 điều 35, điểm a khoản 01 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

[2] Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt thông báo phiên hòa giải tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông U, theo quy định pháp luật; nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông U tiếp tục vắng mặt lần 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử sơ thẩm vắng mặt bị đơn theo qui định tại các điều 227 và điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

****Về giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ kiện:***

[1]*Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông U là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 501, quyển số 03/2001 ngày 01/10/2004 của UBND thị trấn C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Xét thấy nguyên đơn và bị đơn đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi vì những khó khăn về tài chính trong gia đình. D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống và kiên quyết xin ly hôn;

Ông U xác định vẫn còn tình cảm và không đồng ý ly hôn; Tuy nhiên ông lại bỏ mặc không tìm cách để cứu vãn cuộc sống chung vợ chồng, không chịu đến Tòa tham gia hòa giải để thể hiện tình cảm và thuyết phục D tiếp tục chung sống; Như vậy chứng tỏ, bản thân ông cũng biết rõ mâu thuẫn vợ chồng ông bà là trầm trọng, không thể hòa giải hàn gắn.

Mặt khác quan hệ Hôn nhân chỉ có thể tồn tại và đem lại hạnh phúc cho vợ chồng trên cơ sở tình cảm từ cả vợ và chồng, U xác định còn tình cảm nhưng D xác định không còn tình cảm không thể tiếp chung sống, như vậy cuộc sống chung nếu có tiếp tục chỉ là gượng ép, không đem lại hạnh phúc, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2]*Về con chung:* Vợ chồng ông, bà có 03 con chung tên: M(nữ) sinh ngày 27/3/2005, V (nữ) sinh ngày 23/3/2012, K (nam) sinh ngày 10/9/2016;

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, U và D đều thể hiện ý kiến thống nhất: Nếu tòa án chấp nhận giải quyết cho ly hôn thì sẽ giao cả ba con chung cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông U đồng ý trợ cấp nuôi con chung 1.000.000đ/tháng /01 con chung, theo yêu cầu của D.

Xét thấy D hiện có đủ sức khỏe, có nghề nghiệp có thu nhập, đủ điều kiện để đảm bảo chăm sóc con chung về mọi mặt, nguyện vọng con chung từ 07 tuổi trở lên cũng mong muốn được ở với mẹ, do vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu của các đương sự giao cả ba con chung cho D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Đồng thời chấp nhận sự thỏa thuận về việc U cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng/01 con chung, cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không xét.

[5] *Về nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xét.

[6] *Về án phí:* Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 04 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 , ông U phải chịu án phí về việc giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 06 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do D nộp tại biên lai số 000 4315 ngày 16/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ: Điều 51, Điều 53, khoản 01 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

2/ *Tuyên xử*:

[1] **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà D được ly hôn với ông U ;

[2]**Về con chung**: Vợ chồng ông, bà có 03 con chung tên: M(nữ) sinh ngày 27/3/2005, V (nữ) sinh ngày 23/3/2012, K (nam) sinh ngày 10/9/2016;

Tuyên buộc ông U phải giao 03 con chung tên: M(nữ) sinh ngày 27/3/2005, V (nữ) sinh ngày 23/3/2012, K (nam) sinh ngày 10/9/2016, cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn;

Ông U trợ cấp nuôi 03 con chung cho bà D với mức trợ cấp 1.000.000đ/tháng /01 con chung, cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] ***Về tài sản chung***: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét. Sau ly hôn ông U và bà D đều có quyền khởi kiện về chia tài sản chung.

[4] ***Về nợ chung***: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nợ chung nên Tòa không xét.

***3/ Về án phí*:**

Bà D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Ông U phải nộp 300. 000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do D nộp tại biên lai số 000 4315 ngày 16/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. D đã nộp xong án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày được niêm yết hoặc tống đạt bản án.

Nơi nhận : **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

-*Tòa án Tỉnh;*
-*VKS Tp.P;*
-*Chi cục THADS TP. P;*
- *UBND nơi ĐKKH;*
-*Đương sự;*
-*Lưu.*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Như Xuân